

# NIỀM VUI ĐẦU XUÂN

Thiền sư Thích Thanh Từ

Hôm nay là ngày Tết Nguyên Đán, quý Tăng Ni và Phật Tử đến đây chúc mừng năm mới và cầu tuổi thọ cho tôi. Vì tôi có một chút niềm vui, nên muốn nói chuyện nhiều với chư Tăng Ni và Phật tử. Vậy quý vị đứng dậy lễ Tổ chứng minh cho, rồi ngồi xuống để tôi tiếp tục nói chuyện nhân buổi đầu Xuân.

Sở dĩ tôi nói có một chút niềm vui là vì một hôm, tôi đang ngồi nghỉ ngơi, bỗng dung tôi nhớ lại câu chuyện thiền sư Huệ Hải đến hỏi đạo với Mã Tổ. Khi Huệ Hải đến, Mã Tổ hỏi:

- Ông đến đây cầu việc gì?

Ngài Huệ Hải thưa:

- Con đến đây cầu Phật pháp.

- Kho báu nhà mình không đoái hoài, bỏ nhà chạy tìm cái gì?

- Cái gì là kho báu của tôi?

- Chính là cái người hỏi ta đó. Đó là kho báu của người, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu này ngài liền nhận ra kho báu nhà mình, vui mừng lễ tạ. Về sau khi giáo hóa đồ đệ, ngài bảo:

"Từ khi ta xử dụng tự tại, không bao giờ thiếu thốn".

Khi ấy bỗng dung tôi tự hỏi: "Minh thiếu thốn cái gì?". Rồi tôi cười.

Tôi nhớ đến hai thí dụ trong kinh Pháp Hoa. Thí dụ chàng Cùng Tử và thí dụ Hệ Châu. Các đệ tử lớn của đức Phật, sau khi ngộ được tri kiến Phật mới trình lên thí dụ chàng Cùng tử, để đức Phật ấn chứng. Chàng cùng tử thuở nhỏ đã bỏ cha trốn đi lang thang nơi xứ người, sống chật vật nghèo khổ; khi tuổi đã lớn, chàng nhớ đến cố hương, trở về tìm cha mẹ. Khi gặp lại cha sống trong cảnh giàu sang quyền quý, chàng cùng tử không dám nhìn cha, vì không nhận ra ông trưởng giả đầy thế lực là cha mình. Nên chàng cùng tử hoảng sợ bỏ chạy, khiến ông trưởng giả phải khó nhọc sai người đi dụ dỗ, sau cùng chàng cùng tử chịu trở về với tư cách làm thuê cho ông trưởng giả, chứ không dám nhận mình là con. Lần lần về sau, nhờ sự khôn ngoan khéo léo của ông trưởng giả, nên sau cùng đến giờ sắp chết, ông gọi người con trai đến và hội cả thân tộc lại tuyên bố rằng: "Người này thật là con ta, ta thật là cha nó", và trao cả sự nghiệp cho chàng cùng tử. Từ đó chàng cùng tử mới thấy mình thật là con ông trưởng giả và thừa hưởng sự nghiệp của ông cha mình.

Qua thí dụ trên, chúng ta nhận thấy chàng cùng tử đi lang thang, khi trở về không dám nhận cha mình là ông trưởng giả, và không dám tự nhận mình là con ông, nên hoảng sợ bỏ chạy và khi được dụ dỗ mới trở lại. Nếu chàng cùng tử ấy khi trở về liền nhận cha mình là ông trưởng giả, cũng như tự nhận mình là con ông, thì chắc khỏi bận tâm người cha dụ dỗ...

Đến thí dụ Hệ châu, đây là hình ảnh một người nghèo khổ, đói rét về thăm bạn thân, rồi say rượu nằm ngủ. Người bạn thương cho anh một hạt châu quý và cột trong chéo áo của anh, nhưng vì say nên anh không hay biết. Người bạn bận việc phải đi, anh chàng say khi tỉnh dậy bèn lang thang xứ này xứ khác, ăn mày đói khổ. Một hôm, người bạn thân gặp lại anh đang sống trong cảnh khốn cùng, mới nói: "Ngày xưa tôi đã tặng anh một hạt châu quý, giá trị vô lượng và cột trong chéo áo anh, nếu anh đem ra dùng thì sẽ thành một triệu phú, đâu phải sống lang thang đói rét đến hôm nay. Người bạn mới chỉ hạt châu cho anh, khi nhận ra hạt châu, anh chàng đói rét kia liền hết thiếu thốn nghèo khổ nữa. Trong thí dụ trên, người nghèo khổ được bạn tặng cho một hạt châu

quý, cột trong chéo áo (vì ở Ấn Độ dùng y quấn lên mình, không có may túi trên y, nên cột hạt châu trên chéo áo). Vì anh chàng say sưa không hay biết, quên mình có hạt châu trong chéo áo, nên phải sống lang thang vất vả; khi người bạn chỉ, anh nhớ lại rõ ràng mình có hạt châu quý, ngay lúc đó anh không còn lang thang nghèo đói nữa. Hình ảnh ấy cho chúng ta thấy chỉ cần một phen nhớ mình có hạt châu thì thấy hết nghèo, nếu quên mình có hạt châu thì thấy mình là kẻ ăn mày, nhớ mình có hạt châu thì hết ăn mày.

Như vậy, cái giàu sang của chàng cùng tử và của anh chàng say đối với cái nghèo của hai người ấy cách khoảng bao lâu giữa tỉnh và mê. Ví như anh chàng cùng tử khi gặp cha mình nhận ngay cha mình là ông trưởng giả và nhận ngay mình là con ông trưởng giả, lúc ấy chưa thay đổi y phục của kẻ cùng tử, nhưng còn thấy mình là cùng tử hay không? Và anh chàng có sẵn hạt châu trong chéo áo vừa nhớ lại mình có hạt châu, lúc ấy tuy còn nón lá, mặc áo rách, nhưng anh còn thấy anh nghèo chăng? Cái nghèo của chàng cùng tử và chú say kia, lỗi tại chỗ nào? Chỉ tại quên mình là con ông trưởng giả, và chỉ tại quên mình là người có hạt châu.

Kinh Pháp Hoa rất cao siêu, thuộc về Đại thừa đốn ngộ. Đốn nghĩa là nhanh: nhớ mình là con ông trưởng giả, nhớ mình có hạt châu, liền thấy mình giàu. Quên mình là con ông trưởng giả, quên mình có hạt châu, là kẻ ăn mày bần cùng. Chỉ trong tích tắc bỏ nghèo thành giàu, chỉ trong tích tắc chuyển mê thành ngộ. Đó là chỗ cao siêu đốn ngộ của kinh Pháp Hoa. Đó cũng là chỗ nhận ra kho báu nhà mình của thiền sư Huệ Hải. Chỉ ngay câu hỏi của Mã Tổ, trong khoảng tích tắc đồng hồ, ngài Huệ Hải nhận ra kho báu nhà mình vốn tự đầy đủ, chưa từng thiếu thốn, không phải đi lang thang cầu pháp nơi đây nơi khác. Chỉ một phen nhận ra một cách mau chóng kho báu nhà mình liền trở thành người giàu có suốt đời. Đó gọi là đốn ngộ, còn quên gọi là mê. Mê lộ quên đường chỉ vì quên kho báu của mình, nên chúng ta đi lang thang trong luân hồi sanh tử, không biết bao nhiêu kiếp cho đến ngày nay tuy đôi lúc tỉnh giác trở về với đạo, nhưng vẫn còn thấy mình nghèo thiếu, nên đi học hỏi nơi này nơi kia, tìm cầu bên ngoài, nếu nhớ lại thì hết đói khát, thiếu thốn. Đó là tinh thần đốn ngộ của thiền tông. Trong bài kệ của Lục Tổ rất phù hợp với tinh thần đốn ngộ của kinh điển Đại thừa.

Pháp đốn ngộ này không có thời gian, như câu chuyện nàng Long Nữ là con gái của vua rồng mới tám tuổi mà căn tánh lanh lẹ, có trí huệ thấu rõ các pháp. Được ngài Văn Thù Sư Lợi hóa độ, trong khoảng giây lát, nàng chứng được quả Vô thượng Bồ Đề. Ngài Xá Lợi Phất không tin việc này. Vô lý, một người phụ nữ thuộc loại súc sanh mà thành Phật. Việc này rất khó tin. Nàng Long nữ có một hạt châu quý báu, đem dâng đức Phật, Phật liền nhận lấy. Long Nữ nói với tôn giả Xá Lợi Phất: "Tôi dâng châu báu, đức Thế Tôn nhận lấy, việc này trong khoảng bao lâu?". Đáp: "Trong chốc lát". Long Nữ nói: "Tôi thành Phật cũng nhanh như vậy".

Thật vậy, nếu chúng ta nhận mình là con ông trưởng giả thì trong chớp mắt mình không còn là gã cùng tử lang thang đói rét nữa. Nếu chúng ta biết mình có hạt châu trong áo, dù có ai chê cười mình là kẻ ăn mày nghèo khổ, mình vẫn cười không hổ thẹn, vì biết mình là cự phú mai kia mà. Nhận rõ như vậy, chúng tôi cảm thấy vui vì năm nay chúng tôi và quý vị đều là người giàu có nhất, là những cự phú ngày mai.

Kinh điển đại thừa thường hay nói mê và ngộ nhanh như trở bàn tay. Vì sao? Vì mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Hạt châu đã sẵn trong chéo áo, chỉ cần nhớ lại mình có hạt châu là thành kẻ giàu. Cái nhớ lại chỉ trong khoảnh khắc, không thể sánh với thời gian được. Tuy chúng ta chưa bán hạt châu để sắm xe cộ, nhà cửa... nhưng chúng ta chắc chắn là không phải kẻ nghèo khổ. Cũng như một phen ngộ rồi chúng ta là Phật tương lai, không còn nghi ngờ gì nữa. Ngộ rồi, chúng ta không còn là kẻ chúng sanh, ăn mày lang thang nữa. Trong nhà thiền nói mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Chỉ mê và ngộ thôi, cũng như chỉ nhớ và quên thôi, nhớ và quên còn mau hơn cả cái tích tắc đồng hồ, không thể tính thời gian được, gọi đó là đốn ngộ, nghĩa là ngộ nhanh không thể lường được.. Mê thì Phật làm chúng sanh, quên mình có hạt châu, thấy mình là kẻ ăn mày; ngộ thì chúng sanh làm Phật, chính kẻ ăn mày nhận hạt châu trong túi áo, thấy mình là tay cự phú.

Nhưng thử hỏi tại sao chúng ta không giác ngộ mà cứ mãi si mê như vậy? Đó là câu hỏi mà người tu hành thường thắc mắc. Lỗi tại đâu mà chúng sanh không ngộ, cứ mê hoài? Sau đây là câu chuyện của ngài Sa di Cao. Ngài đến thiền sư Dược Sơn. Ngài Dược Sơn hỏi:

- Ta nghe nói ở Trường An ồn ào lắm nhỉ?

Ngài Sa di Cao trả lời:

- Xứ con an ổn.

Qua câu trả lời, chúng ta thấy ngài Sa di Cao giàu phải không? Và tại sao giàu?

Ngài Dược Sơn hỏi tiếp:

- Người do học kinh mà được hay do thừa hỏi mà được?

Ngài Sa di Cao trả lời:

- Không do học kinh cũng không do thừa hỏi.

Ngài Dược Sơn bảo:

- Những người khác không học kinh, không thừa hỏi, tại sao họ không được?

Ngài Sa di Cao thưa:

Không phải họ không có, tại vì họ không chịu nhận thôi.

Chính vì những người khác không chịu nhận cái ấy sẵn có nơi mình, nên lắm kẻ nghèo lang thang, chỉ một phen nhận ra, từ đó về sau đi, đứng, nằm, ngồi không bao giờ quên, không bao giờ thấy mình là kẻ nghèo đói thiếu thốn nữa.

Khi nghe hỏi: Trường an ồn ào phải không? Ngài Sa di Cao trả lời: Xứ con an ổn. Vậy xứ của ngài là xứ nào? Vì Trường An là kinh đô ồn ào, xứ của ngài Sa di có phải ở trong đồng hoang, rừng vắng chăng? Nếu ai chỉ được chỗ ấy là biết xứ của ngài. Để chỉ cho người dám chỉ, chúng tôi xin dẫn câu chuyện của ngài Qui Chơn. Ngài Qui Chơn đến với Tổ Qui Sơn. Tổ hỏi:

- Người tên gì?

Đáp:

- Dạ con tên Qui Chơn.

Tổ hỏi:

- Qui Chơn ở chỗ nào?

Ngài trả lời không được, từ giả Tổ xuống núi. Gặp ngài Nguỡng Sơn đang chăn trâu. Ngài Nguỡng Sơn hỏi:

- Sao Thượng tọa lên núi xuống mau vậy?

- Tại vì cơ duyên không hợp.

- Vậy Hòa thượng hỏi gì?

- Hòa thượng hỏi tôi tên gì. Tôi nói Qui Chơn. Hòa thượng hỏi Qui Chơn ở đâu, tôi trả lời không được nên xuống núi.

Ngài Nguỡng Sơn nói:

- Thôi Thượng tọa trở lên thưa rằng con nói được. Hòa thượng hỏi ở đâu? Thượng tọa chỉ tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý.

Ngài Qui Chơn trở lên núi thưa:

- Con trả lời được.

Và khi Tổ hỏi Qui Chơn ở đâu, ngài liền chỉ tai, mắt v.v...

Tổ Qui Sơn liền bảo:

- Kẻ nói dối, nói rỗng, đó là lời của thiện tri thức năm trăm người.

Như vậy, Qui Chơn là trở về chỗ ấy, trở về xứ chân thật an ổn của ngài Sa di Cao là chỗ đó, chỗ đó lúc nào cũng an ổn. Sở dĩ chúng ta không an ổn là tại trong tâm chúng ta lăng xăng, còn ở mắt tai đầu có lăng xăng. Tai nghe tiếng rồi tâm chạy theo tiếng, mắt thấy sắc tâm liền duyên theo sắc, nên chúng ta mới lăng xăng giao động. Còn tai, mắt có bao giờ lăng xăng đâu. Sống với cái không động tịnh nên bao giờ ngài Sa di Cao luôn luôn được an ổn. Như vậy, khi nhận ra kho báu nhà mình thì sung sướng suốt đời, không còn nghèo khổ, nếu không nhận ra được thì khi nghe ai nói nơi nào có Phật, chúng ta liền chạy đến tìm cầu, không ngờ mình đã vác Phật đi cầu Phật.

Khi nhớ đến những câu chuyện vừa kể trên, chúng tôi nhận thấy pháp môn tu thiền của chúng ta theo hai cách thức: tạm dùng danh từ là "*Tu toàn phần*" và "*Tu cục bộ*". Đó là điều quan trọng chúng tôi cần nói rõ với quý vị hôm nay.

### **1.- Thế nào là tu toàn phần?**

Chúng tôi dẫn lời của ngài Đại An nói với môn đệ: "Tất cả các người đều có hòn ngọc quý, thường phóng quang ra sáu cửa... gọi là phóng quang tam muội". Như vậy nếu trong các động tác hằng ngày đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, trông, nghe... chúng ta đều nhớ được hòn ngọc quý của chính mình thường phóng quang ra sáu cửa (không nhớ những trần cảnh bên ngoài), đó gọi là tu toàn phần. Tu toàn phần là đồng với ánh sáng do hòn ngọc quý phóng ra, không lệ thuộc vào sáu trần, ánh sáng ấy không động, không tịnh, vì vượt ra ngoài vòng đối đãi động tịnh. Trong quyển "*Yếu chỉ Thiền tông*", chúng tôi gọi lối tu toàn phần này là tu nhớ ông chủ. Nghĩa là mọi hoạt động đi, đứng, nằm, ngồi, chúng ta hằng nhớ ánh sáng của hòn ngọc quý phóng ra sáu cửa, không bao giờ quên việc ấy. Trong nhà thiền gọi đó là trưởng dưỡng thánh thai (hay là nuôi lớn thánh thai của chính mình). Tổ Lâm Tế có nói: "*Tùy duyên tiêu nghiệp cũ (Tùy duyên tiêu nghiệp cũ), nhậm vận trước y xiêm (Hòn nhiên mặc áo xiêm)*".

Chúng ta vẫn sống bình thường như bao nhiêu người, nhưng nghiệp cũ lần lần lặng bớt. Ăn cơm, mặc áo đều hòn nhiên, không có những suy nghĩ lăng xăng chen vào, đó gọi là sống với ông chủ. Sống được như vậy gọi là người nhớ, người tỉnh. Còn những ai sống chạy theo sáu trần, phân biệt sáu trần gọi là người quên, người mê; tỉnh với mê chỉ là sống được với ông chủ, hay chạy theo sáu trần.

Đó là lối tu toàn phần, nói một cách tổng quát nếu muốn thực hành, chúng ta phải tu như thế nào? Vọng tưởng chúng ta còn quá nhiều, tâm ý cứ mãi lăng xăng, không hằng sống với ông chủ, chúng ta muốn tu toàn phần phải làm sao? Như khi chúng ta đang đi, bỗng nhớ lại câu chuyện năm trước, chúng ta chỉ cần nhắc lại một câu: "Đi chỉ là đi", những ý tưởng lăng xăng liền dừng lại; khi chúng ta đang ngồi chơi, vọng niệm chợt khởi, chúng ta liền nhắc: "Ngồi chơi chỉ là ngồi chơi". Hoặc khi chúng ta đang làm việc như bửa củi, nấu cơm, những ý nghĩ lăng xăng vừa khởi, liền tự nhắc: "Bửa củi chỉ là bửa củi, nấu cơm chỉ là nấu cơm", nghĩa là nhắc lại những việc mình đang làm, tự nhiên những ý nghĩ lăng xăng sẽ dứt hết.

Cho nên người tu toàn phần phải gan dạ vô cùng, vì không thấy ngồi thiền, coi như là ở không, biếng nhác bê trễ. Nhưng đứng ra, các Tổ khi xưa ít khi ngồi thiền vì các ngài sống trong hành động cũng là nhớ, cũng là tỉnh, cần gì ngồi thiền. Nhưng riêng chúng tôi vẫn ngồi thiền, vì ngồi thiền có lợi tránh được sương gió bệnh hoạn. Nhất là vào buổi khuya đầu hôm khi khí trời lạnh lạnh. Ngồi thiền phải như thế nào? Chúng ta ngồi đúng phương pháp, đàng hoàng, mắt nhìn xuống vừa tầm, hơi thở điều hòa. Tâm trí lặng lẽ, tỉnh táo, vừa dấy niệm liền nhắc: "Ngồi thiền chỉ là ngồi thiền", thì tự nhiên sẽ thành thôi. Ngồi thiền chỉ chừng ấy việc thôi. Không thêm cái gì khác nữa, pháp tu này thật là nhàn hạ.

Xin nhắc lại, ngoài giờ ngồi thiền, trong hoạt động đi, đứng, nằm, ngồi, chúng ta hằng nhớ, đi cầu chỉ là đi

cầu, đi tắm chỉ là đi tắm... không thêm cái gì khác, tu như vậy cả ngày chúng ta thấy thành thói quen. Chủ yếu của việc tu này chỉ nhớ đừng quên. Nhớ là mình giàu, quên đi thành kẻ nghèo. Chỉ chừng ấy việc để ứng dụng tu trong mỗi trường hợp.

## 2.-Thế nào là tu cục bộ?

Tu cục bộ tức là tu một bộ phận, chúng tôi xin dẫn một thí dụ để quý vị nhận rõ. Trong kinh Lăng nghiêm, chủ yếu đức Phật dạy ngài A Nan ngộ đạo, đến phần đức Phật giải thích về thất đại, ngài A Nan liền ngộ và phát thệ nguyện. Sau đó ngài A Nan thưa với đức Phật: "Con cũng như kẻ nghèo nàn bỗng được nhà vua tặng cho một ngôi nhà lầu đẹp, bây giờ con không biết làm sao mà vào, cúi xin Thế Tôn chỉ cửa vào ngôi nhà ấy". Đức Phật liền nói pháp môn tu hành của hai mươi lăm vị Thánh và cuối cùng Phật bảo ngài Văn Thù chọn pháp môn nào phù hợp với căn cơ chúng sanh cõi này. Ngài chọn pháp môn "Phản văn văn tự tánh" của Bồ Tát Quán Thế Âm làm cửa vào. Đây là một phương tiện rất phù hợp với chúng sanh ở cõi Ta bà và ngài Văn Thù dùng pháp môn này chỉ dạy cho ngài A Nan tu. Như vậy việc chủ yếu là sau khi ngộ đạo rồi phải tu. Ở đây là tu một bộ phận, nghĩa là trong sáu bộ phận chỉ lấy tánh nghe để trở về. Vì vậy chúng tôi tạm gọi là tu cục bộ.

Từ trước đến nay, các vị đều tu theo cách "Phản văn văn tự tánh" thường hay lầm, chính chúng tôi cũng bị lầm. Chúng ta cứ nghĩ, nghe lại tánh nghe thì nghe làm sao? Chúng tôi kinh nghiệm nhiều lần, nếu ngồi lại nghe cái mình hay nghe một lúc sau lỗ tai bắt đầu nhức, có vị nghe trở vô trong, về sau bị ran ngực, thổ huyết thành bệnh. Tu lỗi phản văn như vậy là một lầm lẫn quá lớn.

Phản văn nghĩa là gì? Từ trước đến giờ cái nghe của chúng ta theo âm thanh bên ngoài. Vì cái nghe duyên theo âm thanh bên ngoài gọi là túy lưu tức là trôi theo dòng bên ngoài. Nếu chúng ta không trôi theo dòng bên ngoài, chỉ nhớ đến tánh nghe, gọi là phản văn, tức là nhớ lại tánh nghe.

Tánh nghe như thế nào? Ở đâu? Khi nói nghe lại tánh nghe, chúng ta nghĩ là tánh nghe tại lỗ tai, chúng ta nghe một lúc lâu lỗ tai bắt đầu nhức. Phải nhớ tánh nghe trùm khắp mười phương, vì tánh nghe trùm khắp mười phương không kẹt ở lỗ tai nên không bị nhức, không sanh bệnh.

Phản văn tự tánh tức là nhớ tánh nghe của mình trùm khắp mười phương đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng như vậy, cho đến ngồi thiền cũng như vậy, không nhớ gì khác nữa. Tánh nghe không có tướng mạo, vì không có tướng mạo nên không bị hạn chế hay ngăn cách. Chúng ta luôn luôn nhớ tánh nghe của mình trùm khắp mười phương, gọi đó là tu phản văn văn tự tánh.

Tu toàn phần hay cục bộ đều là lỗi tu chung của kinh và thiền. Trong kinh dạy Bồ tát Quán Thế Âm đã tu phản văn, mà chính tông Tào Động hiện nay cũng đã tu theo lối phản văn này. Khi học kinh Lăng Nghiêm, chúng ta cố gắng nhận ra lỗi tu này, do đó mới biết rõ rằng đường lối tu thiền đã được dạy trong kinh, nhưng muốn tu như vậy phải ngộ trước rồi sau mới tu. Tu toàn phần hay tu cục bộ chủ yếu ở một chữ nhớ. Nhớ thì mình là con ông trưởng giả, là người giàu có, còn quên thì mình là gã cùng tử, là kẻ ăn mày. Chỉ nhớ và quên, đó gọi là tinh thần đốn ngộ của thiền tông cũng là cửa đại thừa. Chỉ một chữ nhớ thôi là chuyển phàm thành thánh, còn quên là đem thánh vào phàm, đốn ngộ là như vậy.

Dù tu toàn phần hay cục bộ, chúng ta phải đủ lòng tin. Đủ lòng tin như ngài Đại Mai trong câu chuyện sau đây: Ngài Đại Mai, sau khi ngộ đạo với Mã Tổ liền lên núi Đại Mai ở ẩn. Mã Tổ nghe ngài ở núi, bèn sai một vị Tăng thăm dò, vị Tăng nói:

- Hòa thượng đến Mã Tổ được cái gì về ở núi này?

Ngài đáp:

- Ta nghe Mã Tổ nói tức tâm tức Phật, ta liền về ở núi (tức là ngài nhận ra cái tức tâm tức Phật).

Vị Tăng nói:

- Gần đây Mã Tổ đã dạy "Phi tâm phi Phật".

Ngài bảo:

- Ông già mê hoặc người không có ngày thôi. Mặc ông phi tâm phi Phật, ta chỉ biết tức tâm tức Phật.

Vị Tăng trở về thuật lại cho Mã Tổ nghe, Mã Tổ nói:

- Trái mai đã chín.

Tin như ngài Đại Mai là xác tín. Nghĩa là tin một cách không lung lay, chính vị thầy đã dạy mình ngộ đạo. Cũng chính vị thầy ấy ngày sau dạy khác đi, mà niềm tin của ngài vẫn vững chắc không bị lung lay, huống hồ là người nào khác.

Còn chúng ta ngày nay, vì không đủ niềm tin nên hôm nay khi nghe ai bảo pháp tu này hay, ngày mai nghe người khác bảo pháp tu kia hay, chúng ta liền hưởng ứng nghe theo, thật ra chúng ta có tin chi đâu. Chúng ta phải tin, phải nhận ra cho đúng, không ai làm lay chuyển được, người ấy mới có thể tu toàn phần hay cục bộ. Muốn ứng dụng hai pháp tu này, phải có lòng tin không lung lay như ngài Đại Mai. Phải ngộ đạo rồi, tin như ngài A Nan nhận ra pháp thân trùm khắp mười phương.

Nếu chúng ta chưa được như ngài A Nan và ngài Đại Mai, chúng ta phải tu cách nào? Đó là điều chúng tôi cần phải chỉ cho quý vị biết rõ. Bây giờ chúng tôi hệ thống hóa lại đường lối tu hành từ trước đến nay của thiền viện, để quý vị rõ ý nghĩa tu hành của chúng ta như thế nào?

Các Tăng Ni đến đây nhận sự hướng dẫn của chúng tôi, trước hết phải học ba năm. Học ba năm để làm gì? Chủ trương của tôi y theo đường lối chư Tổ dạy: "Kiến tánh khởi tu", tức là nhận ra bản tánh của mình, rồi sau đó ứng dụng tu. Như phần trước chúng tôi đã nói: nhận ra nơi mình có hòn ngọc quý phóng ánh sáng ra sáu cửa. Nhận được như vậy rồi mới tu toàn phần hay cục bộ, tức là nhận ra được bản tánh bất sanh bất diệt của chính mình, sau đó mới ứng dụng tu. Muốn nhận ra bản tánh bất sanh bất diệt chúng ta phải làm sao? Khi xưa chư Tổ cho các đồ đệ đi tham vấn khắp nơi, gọi là đi tham thiền để một ngày nào phát minh phát ngộ. Nhưng ngày nay chúng tôi không có phương tiện như vậy, nên chúng tôi dùng phương pháp giảng kinh, luận và sử của các thiền sư. Khi nghe giảng lâu ngày, quý vị tự thâm nhận, thâm nhận là tự ngộ một cách nhẹ nhàng, nhận ra nơi mình có hòn ngọc quý hăng phóng quang ra sáu cửa. Khi nhận được như vậy tạm gọi là kiến tánh. Kiến tánh là lóe thấy thôi chứ chưa phải là hằng sống. Lóe thấy rồi bắt đầu ứng dụng tu hằng nhớ chúng ta luôn luôn có hòn ngọc quý: hoặc tu toàn phần hoặc tu cục bộ. Vì vậy chúng tôi chủ trương phải học ba năm để quý vị nhận ra rồi ứng dụng.

Khi trước chúng tôi rất lạc quan, chúng tôi tin rằng sau khi học ba năm, quý vị đủ lòng tin chúng ta có hòn ngọc quý... tin một cách chắc chắn không nghi ngờ. Nhưng đến nay đã bảy năm, tám năm qua rồi mà quý vị vẫn chưa đủ lòng tin. Điều này làm cho chúng tôi bi quan phần nào. Khi đang học ba năm, nếu chúng ta chưa nhận ra tánh bất sanh bất diệt của chính mình, chúng ta phải tu bằng cách nào? Chúng tôi chỉ quý vị ứng dụng lối tu của Tổ Huệ Khả trong câu chuyện sau đây: Tổ Huệ Khả hỏi:

- Tâm con chẳng an, xin Hòa thượng dạy cho con phương pháp an tâm?

Tổ Đạt Ma bảo:

- Đem tâm ra đây ta an cho.

Ngài Huệ Khả xoay lại tìm, tìm một lúc không được. Tổ Đạt Ma bảo:

- Ta đã an tâm cho người rồi.

Ngay nơi đó Tổ Huệ Khả biết cách an tâm (đây là biết an tâm chứ chưa phải ngộ).

Qua câu chuyện trên chúng ta lầm vọng tưởng là tâm của mình. Để giải cái lầm trên, chúng ta phải nhớ các tướng tượng lãng xăng đó là vọng tưởng chứ không phải là tâm. Vì vậy đầu tiên chúng tôi chủ trương lối tu biết vọng. Thay vì ngày xưa cho đó là tâm, ngày nay chúng ta biết đó là vọng. Như vậy chúng ta đã tỉnh đi một chút trong cơn mê. Mê vì cho vọng tưởng là tâm, tỉnh vì biết vọng tưởng không phải là tâm mình.

Tại sao chúng ta quả quyết như vậy? Vì chúng tôi thấy rõ sáu trần mà chúng ta đang chạy theo chỉ là bóng dáng của ngoại cảnh. Thí dụ: ban sáng xuống chợ, chúng tôi thấy một người ăn mày đáng thương và chú ý đến họ. Chiều về khi ngồi chơi, bỗng nhiên chúng tôi nghĩ về họ. Như vậy hình ảnh người ăn mày là sẵn nơi mình hay từ đâu đến? Đó là cái bóng của bên ngoài hồi sáng. Duyên theo cái bóng ấy, chúng ta suy nghĩ những gì chúng ta đã nghe, thấy là suy nghĩ theo bóng dáng ở ngoài, nó đâu phải là mình, cho đó là tâm mình thì lầm lẫn, tất cả chúng ta lâu nay đều lầm lẫn như vậy.

Chúng ta phải nhớ những suy nghĩ duyên theo bóng dáng sáu trần là vọng, vừa dấy niệm suy nghĩ liền biết đó là vọng. Biết như vậy vừa tránh khỏi lầm, vừa dừng được vọng, tức là dừng động. Động đã dừng gọi là tịnh, là định.

Đường lối tu như vậy rất là giản dị, không có nhiều phiền phức. Đó là đường lối của Tổ Sư để ứng dụng cho người chưa ngộ.

Khi chúng ta biết vọng quá mạnh chạy theo lung tung, kéo lôi mình không dừng, chúng ta phải làm sao đây? Thí dụ: Chúng ta có một ít tiền để dành làm một việc mà chúng ta quên không nhớ cất ở đâu? Chúng ta tìm mãi chưa ra, đến khi ngồi thiền cứ nhớ không biết tiền đó cất ở đâu. Chính khi nhớ đó, biết là vọng mà dừng không được, vì vọng quá mạnh kéo mình hoài, để dừng được vọng này, chúng ta phải áp dụng lối tu mạnh hơn là: Tìm vọng tức là tìm xem vọng này phát xuất từ chỗ nào. Khi cái suy nghĩ vọng tưởng quá lãng xăng, chúng ta phải tìm xem chúng xuất phát từ đâu, tìm một lúc mới thấy chúng không có cội rễ và chúng lặn mất đi. Đây cũng là trường hợp của Tổ Huệ Khả đi tìm tâm mình, khi tìm lại thấy nó không có, gọi đó là AN TÂM. Chúng tôi đã ứng dụng theo phương pháp an tâm của Tổ Huệ Khả ngay từ buổi đầu. Hai lối tu BIẾT VỌNG và TÌM VỌNG được ứng dụng hỗ trợ cho nhau trong lúc chúng ta ngồi thiền. Đây cũng là lối tu cục bộ xoay trở lại tánh biết của ý. Sự diễn tiến của lối tu này được cụ thể hóa bằng mười bức họa chặn trâu. Vì thế lối tu này cũng gọi là chặn trâu.

Ngoài giờ ngồi thiền chúng ta phải tu như thế nào? Chúng ta phải ứng dụng tinh thần Bát Nhã trong hai pháp quán: một là "quán thân ngũ uẩn không thiết", hai là "quán sáu trần không thiết". Tất cả trần cảnh đều là tướng duyên hợp "huyễn hóa", thân này cũng là duyên hợp huyễn. Chúng ta phải hằng quán như thế, thấy các pháp như huyễn để phá tan những chấp về thân (ngũ uẩn), tâm và cảnh giới.

Pháp tu quán như huyễn đều được dạy trong các kinh điển Đại thừa. Càng học kinh chúng ta càng thấy rõ ý nghĩa tu như vậy. Trong kinh Phật dạy các Bồ tát đem thân như huyễn cứu độ hữu tình như huyễn... Vì sao Phật dạy như vậy? Bởi vì chúng ta nhận xét: "Những gì do duyên hợp đều như huyễn", những hiểu biết của ta và những lời Phật dạy đều rất phù hợp, và có thể ứng dụng ngay trong cuộc sống. Càng đọc kinh, càng sáng tỏ việc tu. Vì vậy, chúng tôi chủ trương đường lối tu ở đây là: "THIÊN GIÁO ĐỒNG HÀNH". Giáo là kinh, Thiên là ứng dụng tu thiền, hai việc đồng hành, tức là học kinh để chúng ta biết rõ đường lối tu thiền, để sáng tỏ ý KINH, THIÊN và GIÁO hỗ trợ cho nhau là như vậy.

Trong phần thực hành, chúng ta phải biết ứng dụng linh động ba pháp tu: "BIẾT VỌNG, TÌM VỌNG và QUÁN CÁC PHÁP NHƯ HUYỄN". Khi ngồi thiền chúng ta dùng phương pháp nhẹ là biết vọng tưởng thường xuyên, phương pháp mạnh hơn là tìm vọng, xem nó xuất phát ở đâu. Dùng lối tu biết vọng lâu ngày, nhất là lúc

nhập thất đôi ba tháng, do tu chăm quá chúng ta bị đau đầu, mặt mày buồn hiu, tánh tình dễ cau có, nhìn qua là biết ngay người này đang cố gắng thái quá trong khi tu Biết Vọng. Đến giai đoạn này, chúng ta phải biết chuyển qua pháp Quán thân như huyễn, cảnh như huyễn, nhìn trời mây nước đều là huyễn, sẽ thấy nhẹ nhàng thoải mái. Do nhìn ra ngoài biết các pháp như huyễn hóa, chúng ta bớt cố gắng kèm chúng, đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng biết các pháp như huyễn, tâm trí chúng ta sẽ được thành thoi.

Nhìn ra ngoài cảnh biết như huyễn, đến một lúc tâm bắt đầu loạn, bị ngoại cảnh lôi cuốn, chúng ta xoay vào bên trong, để biết là vọng, tâm sẽ an ổn trở lại. Ứng dụng linh động biết các pháp như huyễn, tu như vậy sẽ không bệnh hoạn, buồn bực và cáu kỉnh nữa. Đó là kinh nghiệm của chúng tôi đã thấy rõ trong khi tu hành.

Đối với người sơ cơ chưa nhận ra ông chủ, chúng ta ứng dụng tinh thần Bát Nhã vào việc tu. Vì vậy, phần mở đầu chúng tôi dạy kinh Bát Nhã làm cửa vào Thiền. Dùng trí huệ ấy mãi đến bao giờ khi nghe kinh Phật dạy, hoặc học sử các thiền sư, chúng ta tin chắc rằng nơi mình có hòn ngọc quý, không còn nghi ngờ. Sau khi nhận ra ông chủ rồi, từ đó về sau, chúng ta sẽ tu toàn phần hoặc tu cục bộ.

Theo tinh thần Bát Nhã, Phật dạy chúng ta phá tất cả chấp về thân và tâm... mà chưa nhận ra cái chân thật. Đó gọi là tinh thần Giá Thuyên, một danh từ chuyên môn trong nhà Phật. Giá là ngăn, thuyên là nói, tức là dạy cách ngăn không cho chấp trước. Danh từ hiện nay gọi là phủ định, nghĩa là dẹp hết không cho chúng ta chấp trước. Dùng lối tu toàn phần hay cục bộ là theo tinh thần Biểu Thuyên, tức là rõ ràng hay cũng gọi là khẳng định, nghĩa là chỉ thẳng nơi mình có ông chủ và quyết định rằng ông chủ đó là mình, không còn nghi ngờ.

Phần tu phá chấp trước thuộc hệ thống các kinh Bát Nhã. Phần tu chỉ thẳng cái chân thật nơi mình thuộc về hệ các bộ kinh Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm... Nhận theo các lối tu giáo lý đức Phật được chia thành thời Bát Nhã gọi là Trung kỳ Phật giáo, thời Pháp Hoa, Hoa Nghiêm gọi là Hậu kỳ Phật giáo.

Nhân đây chúng tôi thấy rõ Thiền và Giáo không phải hai. Bên Kinh nói rộng, bên Thiền chỉ tắt, nên thấy đường lối có khác. Bởi chỉ tắt nên quá cô động, vì nói rộng nên rất thênh thang, chúng ta phải học năm này qua năm khác. Nhưng thật ra cái thênh thang của Giáo, các ngài bên Thiền cô động trong một câu hay hai câu. Nếu một hai câu nhận ra thì biết rõ cái thênh thang này mà biết luôn cái cô động kia. Hai bên Thiền và Giáo hỗ trợ nhau.

Chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa nơi thiền viện chúng tôi áp dụng tu thiền hai lối: một là lối tu Biết Vọng, hai là Tim Vọng, đồng thời quán các pháp như huyễn, lối tu này của người sơ cơ chưa ngộ. Còn tu toàn phần hay cục bộ của người đã nhận ra ông chủ hay hòn ngọc quý hằng phóng quang ra sáu cửa, người này phải đủ lòng tin vững chắc, không lay chuyển, như vậy đường lối tu của thiền viện đã rõ ràng, y cứ theo kinh điển làm bằng chứng, không phải do ý thức mình đặt suông ra.

Chúng tôi nhận thấy một cách chắc chắn không nghi ngờ. Tất cả quý vị cũng như chúng tôi đều có sẵn hòn ngọc quý hằng phóng quang ra sáu cửa. Nhận ra điều này, vì nhiệt tình của chúng tôi nói lên quá sớm, nên thiếu kinh nghiệm chín chắn. Nhờ một thời gian dài tịnh dưỡng, chúng tôi có đủ thì giờ ngồi lại để chiêm nghiệm chín chắn hơn và ứng dụng rõ ràng điều đó. Vì vậy, chúng tôi cảm thấy vui, vui vì có hòn ngọc quý mà mình dùng được nên trở thành giàu có. Chúng tôi giàu có và tin rằng mọi người cũng đều giàu có như vậy, nên năm nay tôi lạc quan và muốn nói với quý vị rất nhiều.

Để kết thúc, không gì hơn, chúng tôi xin chúc tất cả quý vị Tăng Ni và Phật tử sang năm mới sẽ thành người cự phách, là con của ông trưởng giả, là người có hòn ngọc quý vô giá, mà cũng là người nhận ra kho báu nhà mình, để từ đây về sau khỏi lang thang vất vả nữa.

**NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA MÂU NI PHẬT.**

Đề tài thuyết giảng : **NIỀM VUI ĐẦU XUÂN**

Thiền sư : **Thích Thanh Từ**

Thiền thất : **Chơn Không**  
**Montréal, Québec**

Phật lịch : **Giáp Tuất 2538 (1994)**

*Đánh máy: Thanh-Son và Nguyên-Thu*

*Xuân Quý Mùi, 2547*

*VA-2003*